

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2026/HS-ST

Ngày: 22 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Tiến

2. Bà Vũ Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với:

1. Bị cáo **Trần Văn Tuấn A**, sinh ngày 21/3/1995; Nơi cư trú: Thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên; Căn cước: 034095004313; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Từ năm 2014 đến năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Lữ đoàn 147 Hải quân, ngày 29/01/2016 xuất ngũ về địa phương.

Bản án số 04/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, phạt tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại 4.886.250 đồng. Bị cáo kháng cáo về phần hình phạt. Bản án số 292/2022/HS-PT ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo. Tuấn A đã chấp hành xong án phạt tù ngày 13/03/2023. Đã nộp xong các khoản án phí và tiền phạt ngày 26/5/2022, bồi thường xong cho các

bị hại ngày 14/02/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Đỗ Khắc T**, sinh ngày 31/01/2001; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã N1, tỉnh Hưng Yên; Căn cước: 034201007438; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Khắc T5 và bà Nguyễn Thị N.

Tiền án: Bản án số 17/2020/HSST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thái Bình xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/08/2020, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/6/2020.

Bản án số 04/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phạt tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại 4.886.250 đồng. Chấp hành xong án phạt tù ngày 13/08/2023, đã nộp tiền phạt và các khoản án phí ngày 02/6/2022, bồi thường xong cho các bị hại ngày 14/02/2023.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Bùi Minh T1**, sinh ngày 17/01/2003; Nơi cư trú: Thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên; Căn cước: 034203010353; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Phạm Xuân T6, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Hữu T3, sinh năm: 1971. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Vũ Xuân T4, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên tiếp nhận tố giác của anh Phạm Xuân T6 về việc bị kẻ gian trộm cắp 02 cây cảnh tại trang trại chăn nuôi của gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã tiến hành xác minh, điều tra, triệu tập Trần Văn Tuấn A, Bùi Minh T1 và Đỗ Khắc T lên làm việc, các đối tượng đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 26/7/2025, Trần Văn Tuấn A cùng Đỗ Khắc T đi ăn đêm tại quán Mạnh Titi ở thôn Lục Bắc, xã Đông N1, tỉnh Hưng Yên. Sau khi ăn xong, Tuấn A nảy sinh ý định đi trộm cắp cây cảnh mang về nhà để chơi nên rủ T đi chơi (Tuấn A không nói cho T về ý định đi trộm cắp tài sản), T đồng ý rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Sirius màu đen không gắn biển số của T chở Tuấn A đi lòng vòng qua nhiều xã. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 27/7/2025 thì đến địa phận thôn C, xã Y, Tuấn A phát hiện thấy vườn bên trong khuôn viên trang trại chăn nuôi của gia đình anh Phạm Xuân T6 trồng cây cảnh, không có hàng rào, không có người trông coi, không có camera nên Tuấn A bảo T dừng xe lại. Khi dừng xe lại quan sát, Tuấn A thấy 01 cây tùng La Hán đang trồng trong 01 chậu hình vuông, chiều cao của cây khoảng gần 01 mét và thấy cây này đẹp, nghĩ có giá trị cao nên Tuấn A chỉ vào cây và nói với T “anh lấy cây tùng này cho em”. Ý của Tuấn A là muốn T giúp Tuấn A trộm cắp cây tùng La Hán này mang về nhà để chơi. T hiểu ý nên T và Tuấn A xuống xe đi về phía chậu cây tùng, khi đến gần thì thấy gốc cây tùng to, chậu to nên không thể bê cả chậu được. Tuấn A và T đứng cùng một phía rồi bám tay vào phần thân cây lay đi lay lại mục đích cho gốc cây tùng bật lên khỏi chậu. Lay được khoảng 15 phút thì gốc cây tùng bật lên, T và Tuấn A bê cây để lên xe máy, Tuấn A điều khiển xe chở T ngồi sau giữ cây đi về nghĩa trang nhân dân của thôn L1, xã L2 (cũ) cất giấu cây tại khu vực vườn cây ở cuối nghĩa trang. Sau đó, Tuấn A và T điều khiển xe đi về nhà. Cũng vào buổi tối khoảng 4, 5 ngày sau, Tuấn A rủ T đi đến nghĩa trang thôn L1 để chở cây tùng La Hán trên về đặt cạnh bể nước, giáp bụi chuối nhà hàng xóm, sau đó T đi về nhà T. Sáng hôm sau, Tuấn A dùng xẻng xúc đất để ủ vào gốc cây tùng. Đến cuối tháng 11/2025, Tuấn A trồng cây tùng La Hán vào 01 chậu bê tông rồi đặt ở sân nhà. Khoảng cuối tháng 11/2025, Tuấn A đang ở nhà thì anh Lê Hữu T3 đến chơi, thấy cây tùng đẹp nên hỏi mua. Do cần tiền chi tiêu, Tuấn A đồng ý bán cây cho anh T3 với giá 10.000.000 đồng. Đến ngày 07/01/2026, anh

T3 giao số tiền 10.000.000 đồng cho Tuấn A rồi chở cây tùng La Hán về nhà trồng tại vườn của gia đình anh T3.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 31/10/2025, Trần Văn Tuấn A cùng Bùi Minh T1 đi chơi với nhau, Tuấn A nhớ lại hôm trộm cắp cây tùng La Hán tại trang trại chăn nuôi của gia đình anh T6, Tuấn A quan sát bên cạnh cây tùng La Hán có gốc cây Sanh trông rất đẹp nên Tuấn A nảy sinh ý định buổi tối đến trộm gốc Sanh đó, Tuấn A rủ T2 tối đi chơi với Tuấn A, T2 đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn A điều khiển xe máy nhãn hiệu Sirius, không gắn biển số của Tuấn A đến nhà đón T2. Tuấn A và T2 đi chơi, uống nước đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 01/11/2025, Tuấn A chở T2 đến vườn cây cảnh trong trang trại chăn nuôi của gia đình anh T6, khi đến nơi, Tuấn A và T2 dừng xe ở gần vườn và quan sát xung quanh không thấy có ai trông coi, Tuấn A chỉ vào gốc cây Sanh và bảo T2 bê cho Tuấn A gốc cây Sanh, T2 hiểu ý của Tuấn A là trộm cắp cây Sanh này giúp Tuấn A, T2 đồng ý. Tuấn A ngồi đợi ở xe còn T2 đi bộ về phía cây Sanh dùng tay nhắc gốc Sanh và bê ra xe, T2 ngồi sau ôm gốc Sanh còn Tuấn A điều khiển xe máy chở T2 đi về nhà Tuấn A. Khi về đến sân nhà, Tuấn A bảo T2 bê cây để gọn vào góc vườn cạnh bể nước. Sau đó, Tuấn A trồng cây Sanh tại vườn. Đến cuối tháng 12/2025, Tuấn A trồng cây Sanh vào chậu. Trưa ngày 03/01/2026, Tuấn A đang ở nhà thì anh Vũ Xuân T4 đến chơi. Anh T4 thấy gốc Sanh đẹp nên hỏi mua. Tuấn A đồng ý và thống nhất giá bán cây cho anh T4 là 3.000.000 đồng, anh T4 giao tiền cho Tuấn A và chở cây Sanh về nhà trồng. Sau khi bán cây cho anh T4, Tuấn A gọi T2 đến nhà rồi nói với T2 về việc Tuấn A đã bán gốc Sanh được số tiền 3.000.000 đồng, Tuấn A đưa cho T2 số tiền 1.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Lê Hữu T3 và anh Vũ Xuân T4, anh T3 và anh T4 khai nhận về việc đã mua cây tùng La Hán và cây Sanh nói trên của Tuấn A. Anh T3 và anh T4 đã tự nguyện giao nộp cây tùng La Hán và cây Sanh đã mua của Tuấn A để phục vụ công tác điều tra theo quy định.

Bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên kết luận: 01 cây Tùng La Hán (giống cây trồng Việt Nam) cao khoảng 110 cm, vanh gốc 70 cm, dáng Lão Mai trị giá 23.333.000 đồng, 01 cây Sanh (giống cây Sanh Nam Điền) cao khoảng 30 cm, vanh gốc 80 cm, dạng cây phôi trị giá 5.333.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Tuấn A tại thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên, thu giữ: 01 quần bò tối màu, 01 áo sơ mi dài tay tối màu, 01 áo phao tối màu, đều đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Khắc T tại thôn Đ1, xã N1, tỉnh Hưng Yên, thu giữ: 01 quần đùi tối màu, 01 áo chống nắng tối màu, đều đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Minh T1 tại thôn B1, xã N1, tỉnh Hưng Yên, thu giữ: 01 áo khoác da tối màu, 01 quần bò màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, đều đã qua sử dụng.

Các bị cáo khai nhận những đồ vật Cơ quan điều tra thu giữ nêu trên là trang phục các bị cáo mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Xuân T6 đã nhận lại 02 cây cảnh và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của bị cáo Trần Văn Tuấn A đã bồi thường cho anh T3 10.000.000 đồng và anh T4 3.000.000 đồng là tiền các anh đã bỏ ra mua cây cảnh từ Tuấn A, sau khi nhận lại tiền anh T3 và anh T4 không yêu cầu bị cáo Tuấn A phải bồi thường thêm gì khác. Bị cáo T2 cũng đã trả lại cho bà L số tiền 1.500.000 đồng Tuấn A đã đưa sau khi bán cây Sanh.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-KV7 ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố Trần Văn Tuấn A và Bùi Minh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Đỗ Khắc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Tuấn A, Đỗ Khắc T, Bùi Minh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Tuấn A mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Khắc T mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh T1 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
- Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò tối màu, 01 áo sơ mi dài tay tối màu, 01 áo phao tối màu, 01 quần đùi tối màu, 01 áo chống nắng tối màu, 01 áo khoác da tối màu, 01 quần bò màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, đều đã qua sử dụng.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Tuấn A, Đỗ Khắc T và Bùi Minh T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 27/7/2025 và ngày 01/11/2025, Trần Văn Tuấn A cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại trang trại chăn nuôi của gia đình anh Phạm Xuân T6, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 27/7/2025, Trần Văn Tuấn A và Đỗ Khắc T cùng thực hiện hành vi trộm cắp 01 cây Tùng La Hán trị giá 23.333.000 đồng, Tuấn A mang về nhà trồng. Sau đó, Tuấn A đã bán cây Tùng La Hán cho anh Lê Hữu T3 với giá 10.000.000 đồng. Số tiền này Tuấn A sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 01/11/2025, Trần Văn Tuấn A và Bùi Minh T1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp 01 cây Sanh (giống cây Sanh Nam Điền), dạng cây phôi trị

giá 5.333.000 đồng, Tuấn A mang về nhà trồng. Sau đó, Tuấn A đã bán cây Sanh cho anh Vũ Xuân T4 với giá 3.000.000 đồng. Số tiền bán cây Sanh Tuấn A chia cho T1 1.500.000 đồng, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi trên của Trần Văn Tuấn A và Bùi Minh T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đỗ Khắc T đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của Đỗ Khắc T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố Trần Văn Tuấn A và Bùi Minh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Đỗ Khắc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm gián đơn, bị cáo Trần Văn Tuấn A là người khởi xướng rủ các bị cáo Đỗ Khắc T và Bùi Minh T1, tham gia tích cực và là người bán tài sản trộm cắp nên có vai trò thứ

nhất trong vụ án. Bị cáo Đỗ Khắc T và bị cáo Bùi Minh T1, mỗi bị cáo tham gia một vụ trộm cắp tài sản nên giữ vai trò thứ hai.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn Tuấn A đã tác động gia đình trả lại tiền mua cây cho anh T3 và anh T4, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Minh T1 đã tự nguyện trả lại số tiền 1.500.000 đồng Tuấn A đã đưa sau khi bán cây để trả lại người mua cây, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Tuấn A là người trực tiếp cùng thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Tuấn A có vai trò thứ nhất trong vụ án, bị cáo Đỗ Khắc T tuy vai trò thấp hơn nhưng thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Bùi Minh T1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Xuân T6 đã nhận lại 02 cây cảnh và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của bị cáo Trần Văn Tuấn A đã bồi thường cho anh T3 10.000.000 đồng và anh T4 3.000.000 đồng là tiền các anh đã bỏ ra mua cây cảnh, anh T3 và anh T4 không yêu cầu bồi thường thêm gì khác. Bị cáo T1 cũng đã trả lại cho bà L số tiền 1.500.000 đồng

Tuấn A đã đưa sau khi bán cây Sanh. Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tài sản bị thiệt hại, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[10] Xử lý vật chứng:

Đối với: 01 cây tùng La Hán (giống cây trồng Việt Nam), cao khoảng 110 cm, vành gốc 70 cm, dáng Lão Mai và 01 gốc Sanh (giống sanh Nam Điền) cao khoảng 30 cm, vành gốc 80 cm, dạng cây phôi. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Xuân T6 là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

Đối với: 01 quần bò tối màu, 01 áo sơ mi dài tay tối màu, 01 áo phao tối màu, 01 quần đùi tối màu, 01 áo chống nắng tối màu, 01 áo khoác da tối màu, 01 quần bò màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, không còn giá trị sử dụng, các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với chiếc xe mô tô các bị cáo điều khiển đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo khai sau đó đã bán cho người không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, khi mua bán không viết giấy tờ mua bán nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả xác minh sẽ xem xét, xử lý theo quy định.

Đối với anh Lê Hữu T3 và anh Vũ Xuân T4 là những người mua cây từ Tuấn A. Tuy nhiên anh T3 và anh T4 không biết nguồn gốc cây do Tuấn A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Tuấn A, Đỗ Khắc T và Bùi Minh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Tuấn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/01/2026).

2.2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Khắc T

03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/01/2026).

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh T1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/4/2026.

Giao bị cáo Bùi Minh T1 cho Ủy ban nhân dân xã N1, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò tối màu, 01 áo sơ mi dài tay tối màu, 01 áo phao tối màu, 01 quần đùi tối màu, 01 áo chống nắng tối màu, 01 áo khoác da tối màu, 01 quần bò màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, đều đã qua sử dụng.

(Vật chứng đã được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Hưng Yên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/3/2026).

5. Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Văn Tuấn A, Đỗ Khắc T và Bùi Minh T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Trần Văn Tuấn A, Đỗ Khắc T, Bùi Minh T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Xuân T6, anh Lê Hữu T3, anh Vũ Xuân T4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi
nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh
Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh
Hưng Yên;
- UBND xã N1, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý